



UBND TỈNH CÀ MAU

SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 22 tháng 03 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ THĂM HỎI, HỖ TRỢ ĐIỀU TRỊ BỆNH ĐỐI VỚI CÁN BỘ THUỘC DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định chế độ thăm hỏi, hỗ trợ điều trị bệnh đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	Quy định phạm vi điều chỉnh nhằm xác định rõ nội dung Nghị quyết điều chỉnh, chính sách hỗ trợ kinh phí thăm hỏi, khám chữa bệnh cho cán bộ thuộc diện BTV Tỉnh ủy quản lý; bảo đảm phù hợp thẩm quyền và tránh mở rộng ngoài phạm vi.
Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị quyết áp dụng cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (kể cả nguyên chức)	Xác định cụ thể nhóm cán bộ đương chức, nguyên chức và các chức danh do BTV phân cấp; bảo đảm đúng đối tượng, tránh trùng lặp, minh bạch khi áp dụng
Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ 1. Hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích; bảo đảm công khai, minh bạch và phù hợp khả năng cân đối ngân sách tỉnh hằng năm; không để trùng lặp với các chế độ, chính sách khác mà đối tượng đã được hưởng; không sử dụng kinh phí hỗ trợ vào mục đích khác hoặc chi cho các khoản không đủ điều kiện hỗ trợ. 2. Hỗ trợ dựa trên chi phí phát sinh thực tế sau khi đã được cơ quan bảo hiểm y tế	Quy định nhằm bảo đảm hỗ trợ đúng mục đích, không chồng chéo chế độ, phù hợp khả năng ngân sách; bảo đảm công bằng, minh bạch và quản lý kinh phí.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
và các nguồn khác chi trả; mức hỗ trợ xác định theo nhóm đối tượng và tình trạng bệnh; không hỗ trợ các chi phí không hợp pháp hoặc vượt quy định pháp luật. 3. Không thực hiện hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong các trường hợp sau: Khám bệnh, chữa bệnh không có chỉ định chuyên môn của cơ sở y tế; Điều trị tại cơ sở y tế không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động; Các khoản chi phí điều trị mang tính thẩm mỹ, chăm sóc sức khỏe không nhằm mục đích điều trị bệnh; Người không thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này. 4. Trường hợp cán bộ đã nghỉ hưu và chuyển nơi cư trú do Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định việc áp dụng chế độ hỗ trợ.	
Điều 4. Điều kiện thực hiện thăm hỏi và hỗ trợ điều trị bệnh 1. Điều kiện thăm hỏi Việc thăm hỏi đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được thực hiện khi điều trị bệnh nội trú tại các cơ sở khám, chữa bệnh. 2. Điều kiện hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh Việc hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này khi khám, chữa bệnh ngoại trú, điều trị nội trú khi mắc các bệnh hiểm nghèo đến khám và điều trị tại cơ sở y tế công lập hoặc ngoài công lập, trong hoặc ngoài tỉnh theo đúng quy định.	Quy định giới hạn trong trường hợp điều trị nội trú nhằm bảo đảm tính cần thiết, đúng đối tượng, tránh dàn trải; đồng thời thể hiện sự quan tâm kịp thời của Nhà nước đối với các trường hợp bệnh lý phải nhập viện điều trị, có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và đời sống của người bệnh. Quy định theo hướng mở rộng phạm vi cơ sở y tế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người bệnh được lựa chọn nơi điều trị phù hợp, đặc biệt trong trường hợp bệnh hiểm nghèo cần chuyên tuyến hoặc điều trị chuyên sâu; đồng thời vẫn bảo đảm tính chặt chẽ thông qua yêu cầu tuân thủ đúng quy định hiện hành.
Điều 5. Mức thăm hỏi, hỗ trợ kinh phí khám bệnh, chữa bệnh 1. Mức thăm hỏi:	Phân nhóm mức hỗ trợ theo chức danh để



DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
a) Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: khi ốm, điều trị bệnh tại bệnh viện, mức chi 4.000.000 đồng/người. b) Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này: khi ốm, điều trị bệnh tại bệnh viện, mức chi 3.000.000 đồng/người. c) Các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này: khi ốm, điều trị bệnh tại bệnh viện, mức chi 2.000.000 đồng/người. d) Các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này: khi ốm, điều trị bệnh tại bệnh viện, mức chi 1.000.000 đồng/người. 2. Hỗ trợ chi phí đồng chi trả và tiền mua thuốc ngoài danh mục bảo hiểm y tế thanh toán khi khám, chữa bệnh ngoại trú Các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ chi phí đồng chi trả và tiền mua thuốc ngoài danh mục bảo hiểm y tế thanh toán khi khám bệnh, chữa bệnh ngoại trú tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tối đa không quá 15.000.000 đồng/lần khám. 3. Mức hỗ trợ kinh phí khám bệnh, chữa bệnh Các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này bị bệnh hiểm nghèo (thuộc danh mục do Bộ Y tế quy định) khi điều trị được xem xét hỗ trợ phần ngoài bảo hiểm y tế thanh toán và các nguồn khác thuộc ngân sách nhà nước được hỗ trợ như sau: a) Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: mức chi hỗ trợ không quá 80%/người. b) Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này: mức hỗ trợ không quá 70%/người. c) Các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này: mức hỗ trợ không quá 60%/người. d) Các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này mức hỗ trợ không	bảo đảm tương xứng; hỗ trợ thêm các chi phí thực tế phát sinh (chuyển viện, thuốc đặc trị, hội chẩn...) nhằm đáp ứng nhu cầu điều trị bệnh hiểm nghèo và đảm bảo tính nhân văn

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
quá 50%/người. 4. Tổng mức hỗ trợ đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này không vượt quá 100.000.000 đồng/người/năm. Trường hợp chi phí điều trị cao sử dụng thuốc mới, căn cứ kết luận y khoa và thẩm định của Hội đồng chuyên môn, được xem xét hỗ trợ vượt mức, nhưng không quá 150.000.000 đồng/người/năm.	
Điều 6. Nguồn kinh phí 1. Ngân sách địa phương cấp tỉnh, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của tỉnh Cà Mau theo phân cấp ngân sách hiện hành. 2. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác gồm nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có); Quỹ chăm sóc sức khỏe cán bộ (nếu có thành lập theo quy định của pháp luật và được phép sử dụng); Các nguồn bổ sung hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.	Quy định nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác; bảo đảm tính ổn định, khả thi trong tổ chức thực hiện, không ảnh hưởng nhiệm vụ chi thường xuyên.
Điều 7. Hiệu lực thi hành Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày.....tháng.....năm 2026.	Thời điểm hiệu lực để bảo đảm triển khai đồng bộ, thống nhất sau khi HĐND thông qua.
Điều 8. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết. 3. Trong cùng chế độ, chính sách, cán bộ có nhiều chức danh, chức vụ khác nhau thì thực hiện chế độ, chính sách cho chức danh, chức vụ cao nhất. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ ...	Quy định trách nhiệm tổ chức triển khai và giám sát nhằm đảm bảo thực thi hiệu quả, minh bạch và phù hợp quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.



DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
thông qua ngày tháng năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng ... năm 2026.	